

Số:189/QĐ-THCS&THPTKH

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy chế tính điểm và xếp loại hạnh kiểm học sinh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS VÀ THPT KHÁNH HÒA

Căn cứ vào Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011;

Căn cứ kết quả lấy ý kiến của tập thể giáo viên chủ nhiệm lớp ngày 10/10/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy chế tính điểm và xếp loại hạnh kiểm học sinh của Trường THCS và THPT Khánh Hòa gồm 4 chương và 11 điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 140/QĐ-THCS&THPTKH ngày 13/8/2018 của Hiệu trưởng trường THCS&THPT Khánh Hòa về việc ban hành Quy chế tính điểm và xếp loại hạnh kiểm học sinh.

Điều 3. Toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh trong đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.



QUY CHẾ

Tính điểm và xếp loại hạnh kiểm học sinh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 189 /QĐ-THCS&THPTKH ngày 10 /10/2020
của Hiệu trưởng trường THCS & THPT Khánh Hòa)

Chương I. NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về cách tính điểm và xếp loại hạnh kiểm học sinh THCS và THPT tại trường THCS & THPT Khánh Hòa.

Điều 2. Mục đích, căn cứ và nguyên tắc xếp loại

1. Xếp loại học sinh học kỳ, năm học nhằm kịp thời chấn chỉnh những hành vi lệch lạc của học sinh, định hướng thúc đẩy học sinh rèn luyện tốt hơn. Việc trừ điểm hạnh kiểm phải mang tính giáo dục, phải làm cho học sinh thấy được sai phạm của mình và tạo điều kiện cho các em khắc phục, sửa chữa khuyết điểm.

2. Đánh giá hạnh kiểm của học sinh căn cứ vào biểu hiện cụ thể về thái độ và hành vi đạo đức; ứng xử trong mối quan hệ với thầy giáo, cô giáo, cán bộ, công nhân viên, với gia đình, bạn bè và quan hệ xã hội; ý thức phấn đấu vươn lên trong học tập; kết quả tham gia lao động, hoạt động tập thể của lớp, của trường và của xã hội; rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường; Kết quả nhận xét các biểu hiện về thái độ, hành vi của học sinh đối với nội dung dạy học môn Giáo dục công dân quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS, cấp THPT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

3. Bảo đảm nguyên tắc khách quan, công bằng, công khai, xếp loại đúng đối tượng.

Chương II. NỘI DUNG VI PHẠM

Điều 3. Các hành vi vi phạm mức độ 1

1. Đi học trễ giờ (không có lí do chính đáng) tính từ tiếng trống tập trung và đầu mỗi tiết học.

2. Nghỉ học có cha, mẹ (người giám hộ) xin phép.

3. Không tham gia các hoạt động của trường, của lớp: SHDC, dự lễ, tập thể dục giữa giờ, giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục hướng nghiệp, công tác tự quản (mà không có lí do chính đáng).

4. Không chấp hành phân công của tổ, của lớp, của GVCN, GVBM. Không tích cực thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Mang quà bánh lên lớp, xả rác, viết, vẽ bậy làm bẩn bàn, ghế, tường trường, lớp. Không thực hành tiết kiệm trong sử dụng tài sản chung (điện, nước, phấn,....)

6. Không thực hiện nhiệm vụ liên lạc giữa nhà trường và gia đình.

Điều 4. Các hành vi vi phạm mức độ 2

1. Bỏ giờ học, bỏ tiết (không được phép của nhà trường).

2. Nghỉ học không có cha mẹ (người giám hộ) xin phép, hoặc đơn xin không hợp lệ (kể cả giờ học chính khóa, học trái buổi và các hoạt động khác theo qui định của nhà trường).

3. Lười biếng trong học tập: Không thuộc bài, không chuẩn bị bài, không làm bài theo yêu cầu của giáo viên, không mang dụng cụ học tập theo qui định của nhà trường.

4. Đến trường không mặc đồng phục. Đầu tóc, giày, dép không đúng quy định.

5. Thái độ học tập không nghiêm túc: nói chuyện riêng, làm việc khác, làm mất trật tự, không chép bài, ngủ gật trong giờ học

6. Không trung thực trong học tập và trong quan hệ với mọi người.

7. Nói tục, chửi thề, khiêu khích, thô bạo với người khác.

8. Tự ý ra khỏi khuôn viên nhà trường trong buổi học kể cả giờ ra chơi. Để xe không đúng qui định.

9. Sử dụng điện thoại trong giờ học.

10. Mang theo hoặc ăn kẹo cao su trong khuôn viên trường.

Điều 5. Các hành vi vi phạm mức độ 3

1. Vi phạm nội qui, qui định của trường, của lớp đã làm tự kiểm hoặc cam kết nhiều lần mà vẫn tái phạm. Không thực hiện yêu cầu của Lãnh đạo nhà trường.

2. Vi phạm trật tự an toàn giao thông, trật tự trường học.

3. Vi phạm tệ nạn xã hội như: hút thuốc, uống rượu, đánh bài, tham gia các trò chơi có ăn thua vật chất. Sử dụng: ma túy, chất kích thích, văn hóa phẩm đồi trụy, mại dâm, ...

4. Phát động và lôi kéo các học sinh khác không thực hiện hoặc làm trái ngược lại chủ trương, kế hoạch của lớp, trường.

Điều 6. Các hành vi vi phạm nghiêm trọng

1. Chủ mưu hoặc chủ động đánh người khác. Gây rối trật tự trị an xã hội...
2. Vô lễ, xúc phạm đến danh dự, uy tín của thầy, cô giáo, nhân viên nhà trường hoặc tuyên truyền, nặc danh xúc phạm đến danh dự, uy tín của thầy, cô giáo, nhân viên nhà trường.
3. Lấy cắp. Phá hoại, gây thiệt hại tài sản của trường, lớp, của người khác.
4. Vi phạm quy chế thi cử, kiểm tra.

Chương III. CÁCH TÍNH ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI

Điều 7. Cách tính điểm

1. Mỗi học sinh được cộng 100 điểm trong mỗi học kỳ
2. Mỗi hành vi vi phạm tại Điều 3 bị trừ 1 điểm/lượt.
3. Mỗi hành vi vi phạm tại Điều 4 bị trừ 2 điểm/lượt.
4. Mỗi hành vi vi phạm tại Điều 5 bị trừ 4 điểm/lượt.
5. Vi phạm quy định tại Điều 6 nhà trường sẽ xem xét tổ chức Hội đồng xét kỷ luật theo quy định.
6. Nếu học sinh thực hiện một hành vi có liên quan đến nhiều vi phạm trong qui định này thì chỉ trừ điểm theo một vi phạm cao nhất.
7. Trong một học kỳ các thành viên ban cán sự lớp được cộng điểm khuyến khích như sau: Lớp trưởng cộng 4 điểm, lớp phó cộng 3 điểm, tổ trưởng cộng 2 điểm.
8. Học sinh tham gia tốt các phong trào do lớp, đoàn, đội, các tổ chức trong nhà trường, cơ quan, ban ngành các cấp phát động sẽ được cộng 1 điểm/lần.

Điều 8. Xếp loại hạnh kiểm theo học kỳ

1. Loại Tốt: số điểm đạt được trong học kỳ từ 90 trở lên, bộ môn GDCD đánh giá tốt, không vi phạm tại Điều 6.
2. Loại Khá: số điểm đạt được trong học kỳ từ 75 trở lên, bộ môn GDCD đánh giá từ trung bình trở lên, không vi phạm tại Điều 6.
3. Loại Trung bình: số điểm đạt được trong học kỳ từ 65 trở lên, không vi phạm tại Điều 6.
4. Loại Yếu: Số điểm đạt được dưới 65 hoặc vi phạm tại Điều 6.
5. Trường hợp sự cố bất khả kháng phải nghỉ học nhiều dẫn đến xếp loại từ khá trở xuống thì lãnh đạo nhà trường cùng với GVBM, GVCN, ĐTN xem xét quyết định từng trường hợp.

Điều 9. Xếp loại hạnh kiểm cả năm

Chủ yếu căn cứ vào xếp loại hạnh kiểm học kỳ 2 và sự tiến bộ của học sinh.

Chương IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm, giáo viên môn GDCD

1. GVCN chủ trì phối hợp với Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh, giáo viên GDCD, giáo viên bộ môn,... để tổ chức đánh giá cho điểm và xếp loại hạnh kiểm học sinh đúng theo tinh thần, nội dung của Quy chế này.

2. Thường xuyên theo dõi những vi phạm của học sinh để kịp thời phối hợp với gia đình trong việc giáo dục, rèn luyện học sinh.

3. Giáo viên môn GDCD có trách nhiệm nhận xét kết quả các biểu hiện về thái độ, hành vi của học sinh đối với nội dung môn GDCD theo các mức độ tốt, khá, trung bình, yếu cung cấp cho GVCN lớp.

Điều 11. Trách nhiệm của Đoàn, Đội, GVBM

Phối hợp chặt chẽ với GVCN lớp trong quá trình theo dõi, đánh giá học sinh nhằm đảm bảo đánh giá toàn diện, bao quát, khách quan, công bằng./.